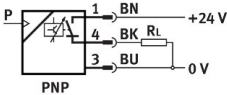


# Cảm biến áp suất SDE5-D10Z-O-Q6-P-M8

Số bộ phận: 567462



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                              | Giá trị                                                           |
|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Giấy phép                             | Dấu RCM<br>c UL us - Recognized (OL)                              |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)   | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU               |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS             |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                     |
| Kích thước đo                         | Áp suất chênh lệch                                                |
| Phương pháp đo lường                  | Cảm biến áp suất Piezoresistive                                   |
| Dải đo áp suất Giá trị ban đầu        | 0 bar                                                             |
| Dải đo áp suất Giá trị cuối           | 10 bar                                                            |
| Môi chất vận hành                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                              |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu                                         |
| Nhiệt độ trung bình                   | 0 °C...50 °C                                                      |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | 0 °C...50 °C                                                      |
| Độ chính xác lặp lại theo ± %FS       | 0.3 %FS                                                           |
| Hệ số nhiệt độ tính bằng ±% FS / K    | 0.05 %FS/K                                                        |
| Đầu ra chuyển mạch                    | PNP                                                               |
| Chức năng chuyển mạch                 | Giá trị ngưỡng với độ trễ cố định                                 |
| Chức năng phần tử chuyển mạch         | Cơ cấu đóng                                                       |
| Dòng điện đầu ra tối đa               | 100 mA                                                            |
| Chống chịu ngắn mạch                  | có                                                                |
| Dải điện áp hoạt động DC              | 15 V...30 V                                                       |
| Chống phân cực                        | cho tất cả các kết nối điện                                       |
| Cổng nối điện                         | 3 chân<br>M8x1<br>Phích cắm<br>theo EN 60947-5-2<br>thiết kế tròn |
| Kiểu gắn                              | với phụ kiện                                                      |
| Vị trí lắp đặt                        | bất kỳ                                                            |
| Cổng nối khí nén                      | QS-6                                                              |
| trọng lượng sản phẩm                  | 19 g                                                              |

| Đặc tính                        | Giá trị                 |
|---------------------------------|-------------------------|
| Vật liệu vỏ                     | PA<br>POM               |
| Hiển thị trạng thái chuyển mạch | Đèn LED màu vàng        |
| Khoảng cài đặt giá trị ngưỡng   | 0 %...100 %             |
| Mức độ bảo vệ                   | IP40                    |
| Lớp chống ăn mòn KBK            | 2 - bị ăn mòn vừa phải  |
| Tuân thủ LABS                   | VDMA24364-B1/B2-L       |
| Loại phòng sạch                 | Loại 4 theo ISO 14644-1 |